TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 27/9/2024
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Việt;

2. Ông Nguyễn Minh Đầy;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Lâm Hoàng Huynh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2024/TLST- HNGĐ, ngày 28/6/2024 về *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/QĐXXST- HNGĐ ngày 27/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2024/QĐST – HN ngày 12/9/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Anh Lê Nhật T, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị D và anh Lê Nhật T quen biết, tìm hiểu nhau được một năm thì tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được thời gian đầu. Khoảng 05 năm gần đây thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do anh T ham chơi không lo cho gia đình, vợ chồng thường hay cải nhau, chị có khuyên nhủ nhiều lần và cũng nhờ những người thân khuyên nhủ

nhưng anh T vẫn không thay đổi. Khoảng 04 năm gần đây thì chị D đã trở về nhà cha mẹ ruột ở Trà Vinh sinh sống nên vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Hiện nay vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm để chung sống được với nhau nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh Lê Nhật T.

- Về con chung: chị D và anh T chung sống có 02 con chung tên Lê Nguyễn Thúy V sinh ngày 24/7/2011 và Lê Thanh D1 sinh ngày 14/12/2019. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được nuôi Thanh D1 chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi T. Chị D để cháu Thúy V cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị không cấp dưỡng nuôi Thúy Vy. (hiện cháu Thanh V1 đang sống với anh T, cháu Thanh D1 đang sống với chị D)

- Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Nhật T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và Thông báo yêu cầu cung cấp thông tin nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị D yêu cầu ly hôn với anh Lê Nhật T là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn được qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh T đang cư trú tại ấp P, xã P, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Lê Nhật T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tuy nhiên anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị D và anh Lê Nhật T chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên được pháp luật công nhận hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, do anh T không lo cho gia đình, mâu thuẫn vợ chồng thường hay cải nhau, chị D và những người thân của anh T cũng khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi.

Xét thấy mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng chung sống với nhau phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Trong thời gian chung sống, giữa chị D và anh T xảy ra mâu thuẫn do anh T không chăm lo cho gia đình nên vợ chồng hay cãi nhau. Thời gian sống ly thân anh T cũng đến thăm con và chị D, nhưng thời gian sống ly thân đã lâu nhưng vợ chồng không thể nào đoàn tụ chung sống lại được điều đó chứng tỏ rằng mâu thuẫn giữa chị D và anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị D yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật

Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Lê Nhật T.

[2.2] Về con chung: chị D và anh T chung sống với nhau có 02 con chung tên Lê Nguyễn Thúy V sinh ngày 24/7/2011 và Lê Thanh D1 sinh ngày 14/12/2019. Chị D yêu cầu được nuôi Thanh D1 sau khi ly hôn, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi T. Chị D để cháu Thúy V cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn, chị D không cấp dưỡng nuôi Thúy Vy. Hội đồng xét xử xét thấy từ lúc chị D và anh T sống ly thân thì cháu Thúy V do anh T và gia đình anh T chăm sóc nuôi dưỡng. Cháu Thanh D1 sống cùng với chị D ở Trà Vinh cuộc sống của các cháu đã ổn định. Nguyện vọng của cháu Thúy V cũng muốn được sống cùng với anh T và ông nội và các cô của cháu V. Anh T đi làm ăn xa cũng không có văn bản ý về con chung. Ông Lê Văn H là cha ruột của anh T có ý kiến trình bày từ trước đến nay cháu V sống cùng với vợ chồng anh T và ông H, từ lúc vợ chồng anh T sống ly thân thì anh T đi làm nên cháu V vẫn sống cùng ông H và các cô của cháu. Anh T đi làm cũng thường về thăm cháu V nên anh T và chị D ly hôn thì ông H cũng đồng ý cùng anh T tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu V. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của cháu V và cháu D1 nên giao cháu D1 cho chị D và giao cháu V cho anh T nuôi dưỡng sau khi ly hôn là phù hợp. Do chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị D xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội. Chị Nguyễn Thị D phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/TBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Lê Nhật T.

2. Về con chung: giao cháu Lê Thanh D1 sinh ngày 14/12/2019 cho chị D nuôi dưỡng sau khi ly hôn, D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con (cháu D1 đang

sống với chị D). Giao cháu Lê Nguyễn Thúy V sinh ngày 24/7/2011 cho anh Lê Nhật T nuôi dưỡng sau khi ly hôn, anh T không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Nhật T và chị Nguyễn Thị D có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị D xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị D đã nộp ngày 28/6/2024 theo biên lai số 0013385 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành được chuyển thành án phí chị D phải nộp.

5. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D và bị đơn anh Lê Nhật T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- VKS nhân dân huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Loan